

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 14-7-2022

“V/v tranh chấp dân sự -  
Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ong Thị Ngọc Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Lê Quang Thanh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 3, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1958;

2. Anh Đinh Trần Hoài N, sinh năm 1986;

3. Chị Đoàn Thị Hồng T, sinh năm 1987;

4. Chị Đoàn Thị Hồng T, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Số 261, đường N, tổ 39, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*(Có mặt ông C và chị T, các đương sự còn lại vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:*

Ngày 29/7/2016 tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ tại số 169, Hùng Vương, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, bà Q cùng các con của bà Q đã đồng ý thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA565421 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 11/01/2010 diện tích là 13,80m<sup>2</sup> cho ông C. Ông C cho bà Q cùng các con của bà Q mượn số tiền là 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) thời hạn mượn là ba năm với lãi suất là 1%/tháng, đóng lãi hàng tháng hai bên đã thỏa thuận được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đồng Tháp xác nhận. Nhưng bà Q và các con của bà Q đã không thực hiện giống như đã được ký tại Phòng Công chứng số 01, đã không trả tiền lãi suất cho ông C, ông C đã nhiều lần đi tìm nhưng không biết gia đình bà Q bỏ đi đâu.

Nay ông C yêu cầu bà Trần Thị Q, Đinh Trần Hoài N, Đoàn Thị Hồng T và Đoàn Thị Hồng T phải trả lại số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) vốn và tiền lãi suất từ ngày 01/10/2016 đến 10/10/2021 thời gian là 05 năm, 1%/tháng (600.000.000đồng: 100 x 1 = 6.000.000đồng), thời gian là 05 năm = 60 tháng (60 tháng x 6.000.000đồng = 360.000.000đồng). Cộng số tiền ông C yêu cầu bà Trần Thị Q, Đinh Trần Hoài N, Đoàn Thị Hồng T và Đoàn Thị Hồng T phải trả lại cho ông C là 960.000.000đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng). Thời gian chậm trả lãi kể từ ngày 10/10/2021 ông C không tính lãi nữa. Hiện nay bà Trần Thị Q, Đinh Trần Hoài N, Đoàn Thị Hồng T và Đoàn Thị Hồng T tạm trú ở đâu ông C đều không biết.

Sau khi bà Trần Thị Q trả đủ số tiền ông C đồng ý xóa thế chấp cho bà Q và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q.

*Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/02/2022, ông C trình bày:*

Vào tháng 29/7/2016, ông Nguyễn Đức C cho gia đình bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N, chị Đoàn Thị Hồng T, chị Đoàn Thị Hồng T vay số tiền 600.000.000đồng, các đương sự giao nhận tiền mặt tại Phòng Công chứng số 1, khi đó không có ai làm chứng, chỉ các bên biết sự việc. Sau khi giao tiền và thực hiện xong thủ tục thì ông C có đi đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh, gia đình bà Q thế chấp thửa đất số 290, tờ

bản đồ số 39, diện tích 13,80m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị để bảo đảm khoản vay 600.000.000đồng. Sau khi thế chấp quyền sử dụng đất cho ông C, thì cả gia đình bà Q đi đâu không rõ, từ năm 2017 đến nay ông C đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không gặp. Khi cho gia đình bà Q vay tiền 600.000.000đồng, cả hai thỏa thuận chỉ thực hiện Hợp đồng thế chấp không thực hiện hợp đồng vay, nội dung hợp đồng thế chấp thể hiện thời hạn vay là 03 năm từ ngày 29/7/2016 đến ngày 29/7/2019, lãi suất là 1%/tháng nhưng nay ông C không yêu cầu tính lãi.

Ông C không thể cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình bà Q đã nhận tiền mặt trực tiếp từ ông C. Tuy nhiên, khi nhận tiền từ ông C xong thì những người nêu trên mới đồng ý ký vào hợp đồng thế chấp, ông C cam kết đã giao xong số tiền 600.000.000đồng cho bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N, chị Đoàn Thị Hồng T, chị Đoàn Thị Hồng T, nếu lời trình bày của ông C có gian dối, không đúng sự thật ông C hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nay gia đình bà Q gồm bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N, chị Đoàn Thị Hồng T, chị Đoàn Thị Hồng T bỏ địa phương đi đâu làm gì không rõ, ông C yêu cầu thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án bằng phương thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngày 22/02/2021, ông Nguyễn Đức C có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Đoàn Thị Hồng T, không yêu cầu T liên đới cùng bà Q, anh N và chị T trả số tiền vay 600.000.000đồng. Với lý do, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp vay 600.000.000đồng, chị T chỉ là người có tên trong hộ khẩu của bà Trần Thị Q, chị T không có nhận tiền hay vay tiền của ông C.

*- Bị đơn chị Đoàn Thị Hồng T trình bày tại Tờ tường trình ngày 17/02/2022 như sau:*

Vào ngày 29/7/2016, chị T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, bên thế chấp là Trần Thị Q, Đinh Trần Hoài N, Đoàn Thị Hồng T, Đoàn Thị Hồng T, bên nhận thế chấp là ông Nguyễn Đức C. Do chị T chung hộ khẩu với bà Q vào năm 2016, lý do chị T đi làm ở Cao Lãnh nên nhập tạm vào hộ khẩu bà Q. Trong hộ bà Q kêu chị T ký tên vào hợp đồng thế chấp, chị T hoàn toàn không có vay tiền của ông C, nay ông C yêu cầu chị T liên đới trả số tiền vay 600.000.000đồng, chị T không đồng ý vì chị T không biết số tiền này.

Đoàn Thị Hồng T là em ruột của chị T nhưng khoảng 05 năm nay không liên lạc được với nhau, chị T đi đâu làm gì chị T không biết, cũng không có liên

lạc gì những người trong hộ bà Q. Mong Tòa án xem xét cho chị T, chị T hoàn toàn không biết số tiền này.

Tại phiên tòa,

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:*

Ông C vẫn giữ yêu cầu theo đơn khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N và Đoàn Thị Hồng T liên đới trả lại số tiền vay 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) và lãi suất 1%/tháng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2016 đến 10/10/2021 là 60 tháng, số tiền lãi 360.000.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng), ông C chỉ yêu cầu tính lãi đúng 05 năm (tức là 60 tháng) không yêu cầu thêm.

Mặc dù chị Đoàn Thị Hồng T có ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nhưng chị T không có nhận số tiền vay của ông C nên ông C rút lại yêu cầu, không yêu cầu chị T liên đới cùng bà Q, anh N và chị T trả số tiền vay vốn và lãi là 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng). Ông C cam kết đã giao số tiền 600.000.000đồng cho bà Q, anh N và chị T vào ngày 29/7/2016 sau khi ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

Ông C không khởi kiện, yêu cầu gì đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/7/2016 giữa bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N, chị Đoàn Thị Hồng T, chị Đoàn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đức C.

- *Bị đơn chị Đoàn Thị Hồng T trình bày:* Chị T có ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nhưng chị T không có nhận tiền, không biết gì về khoản vay 600.000.000đồng. Chị T ký tên vào hợp đồng thế chấp là do anh Đinh Trần Hoài N kêu chị T ký tên vì chị T có tên trong hộ khẩu. Chị T có chứng kiến việc bà Q, anh N và chị T ra Văn phòng công chứng ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho ông C. Đối với số tiền vay 600.000.000đồng giữa ông C và hộ bà Q, chị T không biết và cũng không có nghe hộ bà Q nhắc đến việc có vay tiền của ông C.

Nay ông C đã rút yêu cầu chị T liên đới trả số tiền vay và lãi, chị T thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, đối với yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận bởi vì ông C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao 600.000.000đồng cho bà Q, anh N, chị T chỉ có hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/7/2016. Mặc dù có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật nhưng trong hợp đồng thế chấp không thể hiện nội dung giao nhận tiền nào, không có căn cứ họ nhận tiền, không thể hiện hợp đồng vay. Hiện nay bà Q, anh N, chị T không có mặt ở địa phương, mặc dù đã tổng đạt hợp lệ trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không đủ cơ sở xác định họ đã nhận số tiền trên của ông C nên không chấp nhận yêu cầu của ông C buộc bà Q, anh N và chị T liên đới trả số tiền 600.000.000đồng. Do không có căn cứ buộc trả vốn gốc nên cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu lãi.

Đình chỉ yêu cầu buộc chị Trâm liên đới trả nợ cho ông C.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông C buộc bà Q, anh N và chị T liên đới trả 600.000.000đồng và số tiền lãi 360.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N và chị Đoàn Thị Hồng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 39, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, hiện các đương sự đã vắng mặt khỏi địa phương đi đâu làm gì không rõ, không khai báo tạm vắng đến cơ quan có thẩm quyền. Tòa án tiến hành thủ tục

thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với bà Q, anh N và chị T nhưng các bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N và chị Đoàn Thị Hồng T liên đới trả lại số tiền vay 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) và lãi suất 1%/tháng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2016 đến 10/10/2021 là 05 năm số tiền 360.000.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 960.000.000đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

[2.2] Về căn cứ khởi kiện: Nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/7/2016 giữa bên thế chấp bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N, chị Đoàn Thị Hồng T, chị Đoàn Thị Hồng T và bên nhận thế chấp ông Nguyễn Đức C được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp.

Nội dung trong hợp đồng tại Điều 1, nghĩa vụ được bảo đảm, thể hiện: Bên A đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên B (bao gồm: nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn và phí). Số tiền mà bên B cho bên A vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 03 (ba) năm, kể từ ngày 29/7/2016. Lãi suất vay: 1% tháng, thanh toán lãi suất hàng tháng. Mục đích vay: Làm sản xuất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, ông C khởi kiện yêu cầu bà Q, anh N và chị T trả số tiền vay 600.000.000đồng và căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông C là việc bà Q, anh N và chị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 290, tờ bản đồ số 23, diện tích 18,3m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại Phường 1, thành phố Cao Lãnh để đảm bảo khoản vay 600.000.000đồng.

Ông C đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất cùng ngày 29/7/2016 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh, việc bà Q, anh N và chị T ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên cũng được chị Đoàn Thị Hồng T xác định là có thật.

Hiệu lực hợp đồng vay được các bên thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là kể từ ngày 29/7/2016 và phát sinh lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng. Ông C chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2016 đến ngày 01/10/2021 là

60 tháng, lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi 360.000.000đồng mức lãi suất ông C yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.1] Ông C xác định bà Q, anh N và chị T đã nhận tiền mặt trực tiếp từ ông C, mặc dù thời điểm đó không ai chứng kiến, nhưng sau khi nhận tiền xong thì bà Q, anh N và chị T mới đồng ý ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, ông C cam kết đã giao xong số tiền 600.000.000đồng cho bà Q, anh N và chị T nếu lời trình bày của ông C có gian dối, không đúng sự thật ông C hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[3.2] Đối với các bị đơn bà Q, anh N và chị T mặc dù đã được Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ông C có yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay vốn và lãi là 960.000.000đồng nhưng các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi văn bản ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn giao nộp để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, lời khai của ông C và lời khai của chị T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C, buộc bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N và chị Đoàn Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền vay vốn và lãi 960.000.000đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

[5] Đình chỉ yêu cầu của ông C, về việc yêu cầu chị Đoàn Thị Hồng T liên đới trả số tiền vay vốn và lãi 960.000.000đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

[6] Quan điểm phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tại phiên tòa là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như đã phân tích ở trên.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C.

Buộc bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N và chị Đoàn Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đức C số tiền vay vốn và lãi là 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Đức C, đối với yêu cầu chị Đoàn Thị Hồng T liên đới trả số tiền vay vốn và lãi là 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Q, anh Đinh Trần Hoài N và chị Đoàn Thị Hồng T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ong Thị Ngọc Tâm**